|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT BẮC NINH  **TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI**  Số: 29/BC-THPTNT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Yên Phong, ngày 06 tháng 5 năm 2023* |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá kết quả thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng**

**kỳ thi tốt nghiệp THPT năm học 2022-2023**

**I. KHÁI QUÁT CHUNG** **VỀ TÌNH HÌNH ĐƠN VỊ**

**1. Về đội ngũ giáo viên giảng dạy các môn thi tốt nghiệp THPT**

**-** Đội ngũ giáo viên đều có nhiều năm kinh nghiệp luyện thi tốt nghiệp các bộ môn. Đa số là giáo viên thỉnh giảng đến từ các trường THPT Yên Phong 1, Yên Phong 2. Trong đó:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Môn** | **Giáo viên** | **Ghi chú** |
| 1 | Nguyễn Văn Pho | Toán | Cơ hữu |  |
| 2 | Nguyễn Thị Thúy | Thỉnh giảng |  |
| 3 | Nguyễn Thị Thế | Thỉnh giảng | THPT Yên Phong 2 |
| 4 | Nguyễn Thị Huyền | Cơ hữu |  |
| 5 | Nguyễn Thị Hương Giang | Lý | Cơ hữu |  |
| 6 | Nguyễn Thị Nhung | Hóa | Cơ hữu |  |
| 7 | Mẫn Hoàng Huy | Sinh | Thỉnh giảng | THPT Yên Phong 2 |
| 8 | Nguyễn Thị Thảo | Anh | Cơ hữu |  |
| 9 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | Cơ hữu |  |
| 10 | Nguyễn Thị Thanh Vân | Thỉnh giảng | Đại học TDTT |
| 11 | Phạm Thị Quý | Thỉnh giảng | THPT Yên Phong 1 |
| 12 | Phạm Thị Minh | Thỉnh giảng | THPT Yên Phong 1 |
| 13 | Ngô Thị Hồng | Văn | Cơ hữu |  |
| 14 | Đỗ Thị Ngọc Linh | Cơ hữu |  |
| 15 | Nguyễn Thị Phương Thảo | Thỉnh giảng | THPT Yên Phong 1 |
| 16 | Nguyễn Thị Đáng | Thỉnh giảng | THPT Yên Phong 1 |
| 17 | Nguyễn Thị Vân Anh | Thỉnh giảng | THPT Yên Phong 1 |
| 18 | Nguyễn Thị Hợi | Thỉnh giảng | THPT Yên Phong 2 |
| 19 | Lê Thị Long | Sử | Thỉnh giảng | THPT Yên Phong 1 |
| 20 | Nguyễn Thị Hương | Cơ hữu |  |
| 21 | Đặng Thị Mai | Thỉnh giảng | THPT Yên Phong 2 |
| 22 | Nguyễn Thị Huệ | Địa | Thỉnh giảng | THPT Yên Phong 1 |
| 23 | Lê Thị Hiền | Thỉnh giảng | THPT Yên Phong 2 |
| 24 | Nguyễn Duy Chinh | Thỉnh giảng | THPT Lý Nhân Tông |
| 25 | Nguyễn Thị Liên | GDCD | Cơ hữu |  |
| 26 | Nguyễn Thị Hà | GDCD | Thỉnh giảng | THPT Yên Phong 2 |

**2. Về học sinh lớp 12 : Tổng số 319 ( 1 hs hoàn thành CT lớp 12 vì XL hạnh kiểm kì 2 và cả năm : Yếu )**

- Số dự thi bài Toán: 318

- Số dự thi bài Ngữ văn: 318

- Số dự thi bài Ngoại ngữ: 318

- Số dự thi bài KHTN: 32

- Số dự thi KHXH: 286

**II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG VĂN SỐ 1385/SGDĐT-GDTrH&GDTX**

1. **Giải pháp 1**

- Nhà Trường đãTuyên truyền thông tin rộng rãi tới cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh về ý nghĩa, tầm quan trọng, thông tin kỳ thi tốt nghiệp THPT (thời gian thi, 2 địa điểm thi, công tác chuẩn bị, tổ chức kỳ thi, đảm bảo an toàn thực phẩm, hình thức thi, xét, những điểm mới,…) để kỳ thi diễn ra an toàn, nghiêm túc đúng quy chế.

- Phổ biến, nâng cao nhận thức về kỳ thi, chú trọng thông tin về những quy định, điểm mới của kỳ thi tốt nghiệp THPT và công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng. Tìm hiểu các trường, ngành học phù hợp với sở thích, năng lực để lựa chọn khối thi, đăng ký xét tuyển. Hướng dẫn kĩ năng làm bài đối với học sinh để khắc phục những sai sót dễ mắc phải.

**2. Giải pháp 2**

**-** Nhà trường đãtổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn 2 lần/1 tháng nhằmnâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn, xây dựng nội dung ôn tập, kế hoạch giảng dạy,… cho phù hợp và hiệu quả đối với nhà trường.

**3. Giải pháp 3**

- Nhà trường đã tổ chức cho giáo viênxây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề ôn tập đáp ứng từng giai đoạn, bám sát cấu trúc đề thi tốt nghiệp THPT, đảm bảo chất lượng để giáo viên tham khảo, học sinh có thể tự ôn tập ngay từ đầu năm học và từng giai đoạn.

- Tham gia đầy đủ các hội nghị tập huấn hướng dẫn đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh; tập huấn về xây dựng ngân hàng đề thi đối với từng môn học do Sở GD&ĐT tổ chức

**4. Giải pháp 4**

- Định kỳ, thông qua các kỳ thi, tập huấn, đánh giá, nhà trường đã tổng hợp, đối sánh để kịp thời điều chỉnh kế hoạch dạy học đảm bảo bám sát đối tượng; có kế hoạch phân loại, tổ chức dạy học, ôn tập phù hợp theo năng lực và nguyện vọng của học sinh.

- Trường có mở thêm 2 lớp bồi dưỡng riêng ( 3 buổi / Tuần) hoàn toàn miễn phí cho học sinh lớp 12 học các môn ôn thi tốt nghiệp đối với học sinh có nguy cơ trượt tốt nghiệp, hoặc đối tượng học sinh có một số môn yếu kém.

- Sắp xếp đội ngũ giáo viên có năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm, nghiệp vụ để ôn tập cho học sinh.

**5. Giải pháp 5**

Nhà trường đã tổ chức xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên tham gia. Đặt ra các chỉ tiêu, tiêu chí cho từng lớp, cho từng giáo viên trực tiếp dạy ôn thi tốt nghiệp các môn. Kịp thời khen thưởng thầy cô và học sinh có những đóng góp tích cực nhằm nâng cao chất lượng kì thi tốt nghiệp THPT năm 2023

**III. KẾT QUẢ CÁC ĐỢT KHẢO SÁT**

**1. Kết quả chung toàn trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn** | **Điểm TB thi TN THPT toàn quốc năm 2022** | **Khảo sát đợt 1** | | **Khảo sát đợt 2** | | **Khảo sát đợt 3** | |
| **Điểm TB** | **Chênh lệch so với TB toàn quốc năm 2022** | **Điểm TB** | **Chênh lệch so với TB toàn quốc năm 2022** | **Điểm TB** | **Chênh lệch so với TB toàn quốc năm 2022** |
| Toán | 6.47 | 5.48 | -0.99 | 4.10 | -2.37 |  |  |
| Văn | 6.51 | 5.03 | -1.48 | 5.21 | -1.3 |  |  |
| Anh | 5.15 | 4.14 | -1.01 | 3.10 | -2.05 |  |  |
| Lý | 6.72 | 5.63 | -1.09 | 4.80 | -1.92 |  |  |
| Hóa | 6.7 | 5.21 | -1.49 | 5.19 | -1.51 |  |  |
| Sinh | 5.02 | 4.88 | -0.14 | 5.25 | +0.23 |  |  |
| Sử | 6.34 | 4.80 | -1.54 | 4.45 | -1.89 |  |  |
| Địa | 6.68 | 6.19 | -0.49 | 5.31 | -1.37 |  |  |
| GDCD | 8.03 | 4.45 | -3.58 | 3.84 | -4.19 |  |  |
| Toàn trường |  | 5.02 |  | 4.36 |  |  |  |

**2. Kết quả từng môn học**

**2.1. Môn Toán**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT năm 2023** | **GV dạy** | **Điểm TB Khảo sát đợt 1** | **Điểm TB Khảo sát đợt 2** | **Điểm TB Khảo sát đợt 3** |
|
| 12A1 | 38 | Nguyễn Thị Thế | 8.07 | 6.26 |  |
| 12A2 | 44 | Nguyễn Thị Thuý | 5.40 | 4.17 |  |
| 12A3 | 42 | Nguyễn Thị Huyền | 5.56 | 4.12 |  |
| 12A4 | 42 | Nguyễn Văn Pho | 5.16 | 4.52 |  |
| 12A5 | 37 | Nguyễn Thị Huyền | 4.85 | 3.48 |  |
| 12A6 | 42 | Nguyễn Thị Huyền | 4.80 | 3.77 |  |
| 12A7 | 33 | Nguyễn Văn Pho | 5.15 | 3.91 |  |
| 12A8 | 41 | Nguyễn Thị Thế | 4.91 | 3.87 |  |

**2.2. Môn Ngữ văn**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT năm 2023** | **GV dạy** | **Điểm TB Khảo sát đợt 1** | **Điểm TB Khảo sát đợt 2** | **Điểm TB Khảo sát đợt 3** |
|
| 12A1 | 38 | Đỗ Thị Ngọc Linh | 6.31 | 6.07 |  |
| 12A2 | 44 | Nguyễn Thị Đáng | 5.82 | 6.13 |  |
| 12A3 | 42 | Nguyễn Thị Hợi | 4.68 | 4.83 |  |
| 12A4 | 42 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 4.74 | 5.15 |  |
| 12A5 | 37 | Ngô Thị Hồng | 4.69 | 4.68 |  |
| 12A6 | 42 | Nguyễn Thị Vân Anh | 4.57 | 4.62 |  |
| 12A7 | 33 | Nguyễn Thị Đáng | 4.96 | 5.25 |  |
| 12A8 | 41 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 4.54 | 4.78 |  |

**2.3. Môn Tiếng Anh**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT năm 2023** | **GV dạy** | **Điểm TB Khảo sát đợt 1** | **Điểm TB Khảo sát đợt 2** | **Điểm TB Khảo sát đợt 3** |
|
| 12A1 | 38 | Phạm Thị Quý | 7.88 | 6.01 |  |
| 12A2 | 44 | Phạm Thị Minh | 4.43 | 2.89 |  |
| 12A3 | 42 | Phạm Thị Quý | 3.18 | 2.48 |  |
| 12A4 | 42 | Nguyễn Thị Thanh Vân | 4.01 | 2.86 |  |
| 12A5 | 37 | Phạm Thị Minh | 3.71 | 2.46 |  |
| 12A6 | 42 | Phạm Thị Minh | 3.25 | 2.67 |  |
| 12A7 | 33 | Nguyễn Thị Thảo | 3.45 | 2.59 |  |
| 12A8 | 41 | Nguyễn Thị Thảo | 3.36 | 2.81 |  |

**2.4. Môn Vật lý**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT năm 2023** | **GV dạy** | **Điểm TB Khảo sát đợt 1** | **Điểm TB Khảo sát đợt 2** | **Điểm TB Khảo sát đợt 3** |
|
| 12A1 | 38 | Nguyễn Thị Hương Giang | 5.63 | 4.80 |  |

**2.5. Môn Hóa học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT năm 2023** | **GV dạy** | **Điểm TB Khảo sát đợt 1** | **Điểm TB Khảo sát đợt 2** | **Điểm TB Khảo sát đợt 3** |
|
| 12A1 | 38 | Nguyễn Thị Nhung | 5.21 | 5.19 |  |

**2.6. Môn Sinh Học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT năm 2023** | **GV dạy** | **Điểm TB Khảo sát đợt 1** | **Điểm TB Khảo sát đợt 2** | **Điểm TB Khảo sát đợt 3** |
|
| 12A1 | 38 | Mẫn Hoàng Huy | 4.88 | 5.25 |  |

**2.7. Môn Lịch sử**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT năm 2023** | **GV dạy** | **Điểm TB Khảo sát đợt 1** | **Điểm TB Khảo sát đợt 2** | **Điểm TB Khảo sát đợt 3** |
|
| 12A2 | 44 | Nguyễn Thị Hương | 5.20 | 4.84 |  |
| 12A3 | 42 | Nguyễn Thị Long | 4.94 | 4.21 |  |
| 12A4 | 42 | Nguyễn Thị Long | 4.65 | 4.37 |  |
| 12A5 | 37 | Đặng Thị Mai | 4.03 | 3.85 |  |
| 12A6 | 42 | Đặng Thị Mai | 4.88 | 4.26 |  |
| 12A7 | 33 | Nguyễn Thị Hương | 5.07 | 4.94 |  |
| 12A8 | 41 | Nguyễn Thị Hương | 4.73 | 4.60 |  |

**2.8. Môn Địa lý**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT năm 2023** | **GV dạy** | **Điểm TB Khảo sát đợt 1** | **Điểm TB Khảo sát đợt 2** | **Điểm TB Khảo sát đợt 3** |
|
| 12A2 | 44 | Nguyễn Thị Huệ | 6.44 | 5.88 |  |
| 12A3 | 42 | Nguyễn Duy Chinh | 6.58 | 5.08 |  |
| 12A4 | 42 | Nguyễn Thị Huệ | 6.10 | 5.57 |  |
| 12A5 | 37 | Nguyễn Duy Chinh | 5.79 | 4.66 |  |
| 12A6 | 42 | Lê Thị Hiền | 5.97 | 5.55 |  |
| 12A7 | 33 | Nguyễn Duy Chinh | 6.21 | 5.21 |  |
| 12A8 | 41 | Nguyễn Thị Huệ | 6.16 | 4.98 |  |

**2.9. Môn GDCD**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT năm 2023** | **GV dạy** | **Điểm TB Khảo sát đợt 1** | **Điểm TB Khảo sát đợt 2** | **Điểm TB Khảo sát đợt 3** |
|
| 12A2 | 44 | Nguyễn Thị Liên | 4.64 | 4.03 |  |
| 12A3 | 42 | Nguyễn Thị Liên | 4.60 | 3.64 |  |
| 12A4 | 42 | Nguyễn Thị Liên | 4.57 | 4.11 |  |
| 12A5 | 37 | Nguyễn Thị Liên | 4.18 | 3.57 |  |
| 12A6 | 42 | Nguyễn Thị Liên | 4.38 | 3.77 |  |
| 12A7 | 33 | Nguyễn Thu Hà | 4.45 | 3.98 |  |
| 12A8 | 41 | Nguyễn Thu Hà | 4.24 | 3.70 |  |

**IV. Chỉ tiêu, giải pháp nâng cao chất lượng thi TN THPT 2023**

**1. Chỉ tiêu (đến từng môn)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn** | **Năm 2022** | | **Chỉ tiêu năm 2023** | |
| **Điểm TB** | **Xếp thứ** | **Điểm TB** | **Xếp thứ** |
| Toán | 5.62 | 30/45 | 5.85 | 25 |
| Văn | 5.03 | 45/45 | 5.20 | 42 |
| Anh | 3.05 | 33/33 | 3.25 | 30 |
| Lý | 6.62 | 30/34 | 6.7 | 28 |
| Hóa | 5.24 | 33/34 | 5.4 | 30 |
| Sinh | 3.90 | 33/34 | 4.2 | 30 |
| Sử | 6.38 | 30/45 | 6.4 | 28 |
| Địa | 6.10 | 38/45 | 6.3 | 35 |
| GDCD | 7.38 | 33/37 | 7.4 | 30 |
| Toàn trường |  |  |  |  |

1. **Giải pháp chính**

**Đối với Nhà trường:**

- Trong những năm qua, Ban giám hiệu luôn chú trọng đến công tác xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, rút kinh nghiệm sau mỗi kỳ thi tốt nghiệp.

- Từ đầu năm, Ban giám hiệu nhà trường đã tập trung xây dựng kế hoạch ôn thi tổng thể của nhà trường và tổ chức thực hiện. Khi xây dựng kế hoạch chúng tôi đã lưu ý:

\* Bám sát các văn bản hướng dẫn chuyên môn của Bộ, Sở GD và ĐT.

\* Kế hoạch phù hợp với điều kiện, đặc thù riêng của nhà trường.

\* Đảm bảo các quy định về thực hiện chương trình, mốc thời gian cho các giai đoạn ôn tập.

\* Các yêu cầu về nội dung ôn tập phải phân định rõ giữa những yêu cầu chung và riêng cho từng môn.

\* Chú trọng đến công tác hướng dẫn, tư vấn việc chọn môn thi sao cho phù hợp với năng lực, sở trường của mỗi học sinh.

- Trong quá trình tổ chức ôn tập phải chú trọng đến công tác quản lý nề nếp dạy và học như chính khóa.

- Tiến hành khảo sát nguyện vọng chọn môn thi của học sinh và tổ chức chia lớp ôn theo nguyện vọng của học sinh ngoài giờ học chính khóa.

- Đưa chỉ tiêu chất lượng thi THPT QG của HS thành tiêu chí để đánh giá thi đua, đánh giá năng lực của CB, GV.

- Duy trì việc tổ chức thi thử cho học sinh vào cuối các đợt ôn thi, chấm thi và thông báo kết quả để học sinh biết, so sánh, tự đánh giá; giáo viên tìm ra những hạn chế của học sinh trong từng phần kiến thức lấy đó làm căn cứ để điều chỉnh việc ôn tập (nên tổ chức 2-3 lần).

- Tổ chức tốt việc giảng dạy, ôn tập, kiểm tra đối với các môn không trong danh mục thi THPTQG như môn: GDCD; GDQP; Công nghệ; Tin học. Vì những môn này cũng góp phần quan trọng vào tổng điểm TB của lớp 12 để tham gia xét TN. Trong quá trình thực hiện, tiến độ chương trình được đảm bảo đầy đủ, không cắt xén; giáo viên và học sinh nghiêm túc thực hiện với động lực nâng điểm cộng trong kết quả xét tốt nghiệp THPT.

Xây dựng kế hoạch chi tiết hỗ trợ đưa và đón học sinh khi tham gia thi tốt nghiệp để các em dồn tâm sức ôn tập, vững tâm bước vào trường thi.

Đánh giá: Với kết quả đạt được đã chứng minh việc quản lý của BGH hợp và sát mục tiêu. Nhà trường cũng không vì thành tích ảo mà đánh giá nhẹ tay về kết quả học tập của lớp 12; kết hợp đồng đều giữa dạy học chính khóa và ôn thi TN để khắc sâu về kiến thức học sinh.

**Đối với giáo viên bộ môn**

Giáo viên bộ môn có vai trò hết sức quan trọng, quyết định lớn đến chất lượng các môn thi để thực hiện được nhiệm vụ này giáo viên bộ môn phải thực hiện tốt những công việc sau:

- Căn cứ vào kế hoạch giảng dạy, kế hoạch ôn thi của nhà trường, tổ chuyên môn, cấu trúc đề thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo giáo viên xây dựng riêng cho mình một kế hoạch giảng dạy và ôn tập cụ thể, chi tiết đến từng chủ đề, chuyên đề và sát đối tượng. Mỗi chuyên đề phải có phần lý thuyết và bài tập. Phần lý thuyết nên hệ thống lại những kiến thức cơ bản, trọng tâm. Phần bài tập nên có phần bài tập mẫu và bài tập tự làm (có gợi ý đáp án). Bài tập nên phân dạng và theo mức độ từ dễ đến khó phù hợp với từng đối tượng học sinh. Tăng dần các bài tập mở, gần gũi với thực tế đời sống.

- Chú trọng đến việc dạy kiến thức cơ bản cho học sinh, tập trung vào những yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục cấp THPT, chủ yếu nằm trong chương trình lớp 12, quan tâm việc giúp học sinh nâng cao các mức độ thông hiểu và vận dụng, chú ý đến cách trình bày bài đối với các môn tự luận, đặc biệt những môn như Lịch sử, Ngữ văn các em phải rèn luyện năng lực nhận xét, đánh giá các sự kiện, năng lực diễn đạt của mình; môn ngoại ngữ phải biết diễn đạt vấn đề bằng ngôn ngữ riêng của mình (HS hay mất điểm ở phần này). Trong quá trình dạy giáo viên cũng phải hướng tới cách dạy học hiểu và vận dụng kiến thức để giúp đỡ các em nắm được bản chất vấn đề.

- Trong quá trình giảng dạy và tổ chức ôn tập nên phân nhóm học sinh theo trình độ, giao nhiệm vụ phù hợp với nhóm đó. Sau mỗi chuyên đề cần có các bài kiểm tra ngắn để đánh giá mức độ đạt được của học sinh; từ đó có hướng điều chỉnh hợp lý. Cuối đợt ôn nên có bài kiểm tra tổng hợp nhằm đánh giá được khả năng thực của học sinh.

- Lưu ý phân tích cho học sinh cấu trúc đề thi (như năm 2015); hướng dẫn học sinh phương pháp làm bài thi; rèn kỹ năng cách làm nhanh và nhận diện dạng bài tốt để khi gặp các dạng đề có thể xử lý nhanh nhất. Đơn cử như: Câu dễ làm trước, khó làm sau, trắc nghiệm làm hết; chọn câu đúng; loại trừ câu sai... nhiều điểm dành nhiều thời gian; trình bày chi tiết tránh làm tắt mất điểm, câu hỏi phải có câu trả lời).

- Kết hợp với giáo viên chủ nhiệm làm tốt công tác tư vấn cho học sinh chon môn thi, khối thi phù hợp với năng lực, sở trường của cá nhân học sinh. Với những trường hợp chọn quá nhiều môn thi, khối thi GV tư vấn để học sinh tập trung vào một số môn nhất định.

Cốt lõi của việc giảng dạy và ôn thi tốt nghiệp của giáo viên là: động viên, khuyến khích; sát đối tượng, tổng hợp kiến thức cơ bản và rèn kỹ năng với các dạng đề, đưa ra các tình huống để học sinh tự giải quyết.

**3. Kế hoạch ôn tập (kèm theo chương trình, thời khóa biểu,…)**

**a, Kế hoạch ôn tập Nhà trường chia làm 2 giai đoạn:**

**\* Giai đoạn 1:** Học chương trình chính khoá 35 tuần theo quy định của sở GD và bộ GD ĐT.

**\* Giai đoạn 2:** Bắt đầu từ22/5/2023 đến ngày 18/6/2023 tổ chức ôn thi cấp tốc các môn thi tốt nghiệp THPT cho học sinh lớp 12

\* Phân bổ số tiết:

Tổng số tiết/tuần: 24 tiết học, học các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần, mỗi buổi 4 tiết . Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Môn | Toán | Văn | Anh | Tổ hợp KHTN | | | Tổ hợp KHXH | | |
| Lý | Hóa | Sinh | Sử | Địa | GDCD |
| Số tiết | 6 | 6 | 6 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |

**b, Thời khoá biểu ôn thi:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Thứ 2** | **Thứ 3** | **Thứ 4** | **Thứ 5** | **Thứ 6** | **Thứ 7** |
| **12A1** | **1** | Toán-Thế | Văn-Linh | Văn-Linh | Anh-Quý | Toán-Thế | Anh-Quý |
| **2** | Toán-Thế | Văn-Linh | Văn-Linh | Anh-Quý | Toán-Thế | Anh-Quý |
| **3** | Anh-Quý | Lý-Giang | Toán-Thế | Hóa-Nhung | Sinh-Huy | Văn-Linh |
| **4** | Anh-Quý | Lý-Giang | Toán-Thế | Hóa-Nhung | Sinh-Huy | Văn-Linh |
| **12A2** | **1** | Văn-Đáng | Toán-Thúy | Văn-Đáng | Toán-Thúy | Văn-Đáng | Toán-Thúy |
| **2** | Văn-Đáng | Toán-Thúy | Văn-Đáng | Toán-Thúy | Văn-Đáng | Toán-Thúy |
| **3** | Anh-Minh | Sử-Hương | Anh-Minh | Địa-Huệ | Anh-Minh | GDCD-Liên |
| **4** | Anh-Minh | Sử-Hương | Anh-Minh | Địa-Huệ | Anh-Minh | GDCD-Liên |
| **12A3** | **1** | Toán-Huyền | Anh-Quý | Toán-Huyền | Văn-Hợi | Toán-Huyền | Sử-Long |
| **2** | Toán-Huyền | Anh-Quý | Toán-Huyền | Văn-Hợi | Toán-Huyền | Sử-Long |
| **3** | Văn-Hợi | Văn-Hợi | Anh-Quý | Địa-Chinh | GDCD-Liên | Anh-Quý |
| **4** | Văn-Hợi | Văn-Hợi | Anh-Quý | Địa-Chinh | GDCD-Liên | Anh-Quý |
| **12A4** | **1** | Toán-Pho | Văn-Thảo | Anh-Vân | Văn-Thảo | Toán-Pho | Anh-Vân |
| **2** | Toán-Pho | Văn-Thảo | Anh-Vân | Văn-Thảo | Toán-Pho | Anh-Vân |
| **3** | Văn-Thảo | GDCD-Liên | Toán-Pho | Anh-Vân | Địa-Huệ | Sử-Long |
| **4** | Văn-Thảo | GDCD-Liên | Toán-Pho | Anh-Vân | Địa-Huệ | Sử-Long |
| **12A5** | **1** | Văn-Hồng | Văn-Hồng | Sử-Mai | Địa-Chinh | Văn-Hồng | GDCD-Liên |
| **2** | Văn-Hồng | Văn-Hồng | Sử-Mai | Địa-Chinh | Văn-Hồng | GDCD-Liên |
| **3** | Toán-Huyền | Anh-Minh | Toán-Huyền | Anh-Minh | Toán-Huyền | Anh-Minh |
| **4** | Toán-Huyền | Anh-Minh | Toán-Huyền | Anh-Minh | Toán-Huyền | Anh-Minh |
| **12A6** | **1** | Anh-Minh | Toán-Huyền | Anh-Minh | Toán-Huyền | Anh-Minh | Toán-Huyền |
| **2** | Anh-Minh | Toán-Huyền | Anh-Minh | Toán-Huyền | Anh-Minh | Toán-Huyền |
| **3** | Văn-V.Anh | GDCD-Liên | Văn-V.Anh | Sử-Mai | Văn-V.Anh | Địa-Hiền |
| **4** | Văn-V.Anh | GDCD-Liên | Văn-V.Anh | Sử-Mai | Văn-V.Anh | Địa-Hiền |
| **12A7** | **1** | Anh-ThảoA | Toán-Pho | Anh-ThảoA | Sử-Hương | Anh-ThảoA | Toán-Pho |
| **2** | Anh-ThảoA | Toán-Pho | Anh-ThảoA | Sử-Hương | Anh-ThảoA | Toán-Pho |
| **3** | Văn-Đáng | GDCD-Hà | Văn-Đáng | Toán-Pho | Văn-Đáng | Địa-Chinh |
| **4** | Văn-Đáng | GDCD-Hà | Văn-Đáng | Toán-Pho | Văn-Đáng | Địa-Chinh |
| **12A8** | **1** | Sử-Hương | Toán-Thế | Văn-Thảo | GDCD-Hà | Văn-Thảo | Toán-Thế |
| **2** | Sử-Hương | Toán-Thế | Văn-Thảo | GDCD-Hà | Văn-Thảo | Toán-Thế |
| **3** | Anh-ThảoA | Anh-ThảoA | Địa-Huệ | Toán-Thế | Anh-ThảoA | Văn-Thảo |
| **4** | Anh-ThảoA | Anh-ThảoA | Địa-Huệ | Toán-Thế | Anh-ThảoA | Văn-Thảo |

**V. Đề xuất, kiến nghị SGD&ĐT- Phòng GDTrH: Giúp đỡ về dự giờ đối với các thầy cô cơ hữu để nâng cao chất lượng dạy và học các môn thi tốt nghiệp. ( Đối với môn Toán cô Huyền, văn cô Hồng, Sử cô Hương, GDCD cô Liên , Anh cô Vân Anh) .**

**THEO THỜI KHÓA BIỂU SAU(Lớp và bài dạy chúng tôi xin báo cáo sau)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ/ ngày** | **Buổi** | **Ca** | **Môn** | **Lớp** | **Bài dạy** | **Thời gian** | **GV dạy** |
| **Thứ 2**  **15/5/2023** | Chiều | Ca 1 | GDCD |  |  | 90 phút | Cô Liên |
| Ca 1 | Toán |  |  | 90 phút | Cô Huyền B |
| **Thứ 4**  **17/5/2023** | Chiều | Ca 1 | Ngữ Văn |  |  | 90 phút | Cô Hồng |
| Ca 1 | Lịch Sử |  |  | 90 phút | Cô Hương |
| Ca 1 | Tiếng Anh |  |  | 90 phút | Cô Vân Anh |

**NƠI NHẬN:**

* **SGD&ĐT- PGDTrH**
* **Lưu VT PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

***Lê Thị Lâm***

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |